

BỐN BÀI HỌC TỪ VỤ ÁN EPCO - MINH PHỤNG

cho hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại

Bình Minh *

Vào cuối năm 1997, khi tập đoàn Epcó-Minh phụng sụp đổ, vụ án kinh tế lớn nhất trong thập kỷ 90 đã tác động mạnh vào hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam khiến nhiều ngân hàng phải lao đao. Theo đó, sự thiệt hại về vật chất lên đến hàng ngàn tỷ đồng và để xử lý số tài sản được toà tuyên, sau đó cơ quan thi hành án giao lại cho các NHTM tốn phí thời gian, công sức đến gần 10 năm. Đến nay, theo đánh giá của NHNN và Bộ Tư Pháp về cơ bản vụ án đã được khép lại. Bỏ qua sự mất mát về vật chất và cả con người, chúng tôi muốn nghiên cứu để đưa ra những bài học lớn dưới góc độ hoạt động quản trị rủi ro tín dụng.

Bốn bài học lớn cho hoạt động quản trị rủi ro tín dụng

Một là, bài học về cho vay nhóm khách hàng liên quan cần được tổng kết đánh giá.

Bằng việc mua lại 36% cổ phần của EPCO, liên minh Minh Phụng và Epcó do hai cá nhân giàu có là Minh Phụng và Liên Khui Thìn điều hành, họ xây dựng một hệ thống các công ty con được sở hữu bởi họ hàng và bạn



Hai nguyên nhân chủ quan dẫn đến rủi ro tín dụng của các NHTM là mức độ tập trung tín dụng quá cao và chính sách, quy trình cho vay có vấn đề

Ảnh: Đặng Thành

bè để buôn bán với nhau và lập ra chứng từ khống để vay vốn ngân hàng; tài sản thế chấp là hàng tồn kho chỉ tồn tại trên giấy, các tài sản là máy móc thiết bị, nhà xưởng, đất đai được khai khống để hợp thức hoá yêu cầu vay vốn. Nhóm khách hàng này đã hoạt động vay trả nợ cho nhau với một "công nghệ đảo nợ" khá hoàn hảo và tinh vi. Kết quả là nợ của tập đoàn này ngày một dềnh lên rất lớn, điểm nút bộc lộ khi L/C trả chậm nước ngoài đến hạn không có nguồn trả, do tiền bán hàng, kể cả bán dưới giá nhập về đã được đưa vào đầu tư kinh

doanh đất đai và bất động sản.

Hai là, bài học về buông lỏng kiểm soát dòng tiền của khách hàng vay vốn.

Một thời kỳ dài do "công nghệ đảo nợ" của tập đoàn này thực hiện trơn tru, che mắt sự kiểm soát của ngân hàng. Bản chất của việc bảo lãnh mở L/C nhập hàng trả chậm là vay nợ nước ngoài ngắn hạn được sự bảo lãnh của NHTM, đúng ra khi tiền bán hàng thu về, ngân hàng cần yêu cầu doanh nghiệp đưa vào tài khoản tiền gửi chờ thanh toán và

* TP. Hồ Nội

ký kết hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn để đến thời điểm có nguồn trả nợ cho nước ngoài. Nhưng vì không kiểm soát dòng tiền của khách hàng như chúng tôi đề cập, vô tình ngân hàng đã để tập đoàn Minh Phụng- EPCO sử dụng vốn quay vòng kinh doanh bất động sản đã dẫn đến việc mất khả năng thanh toán với ngân hàng, trong khi ngân hàng phải trả cho phía nước ngoài theo nghĩa vụ bảo lãnh của mình.

Ba là, bài học về công tác cán bộ và xử lý những phát hiện trong kiểm tra những khoản vay.

Quá trình điều tra cơ quan pháp luật đã phát hiện sự câu kết của cán bộ lãnh đạo trong ban giám đốc một số chi nhánh NHTM, trưởng, phó phòng kinh doanh và cán bộ tín dụng đã tiếp tay cho tập đoàn Minh Phụng – EPCO nhận được những khoản tín dụng rất lớn. Mặc dù sự câu kết này không được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nhưng dấu hiệu xấu từ những khoản cho vay đối với Minh Phụng-Epco trước thời điểm bùng phát đã được cảnh báo trong các đợt thanh tra, kiểm tra của Trụ sở chính các NHTM, của Thanh tra NHNN. Tuy nhiên, những cảnh báo rủi ro từ khoản tín dụng với tập đoàn này ít được chú ý và hậu quả của nó phải khắc phục sau rất nhiều năm.

Bốn là, bài học về xử lý hình sự các vụ án kinh tế liên quan đến ngân hàng, sự nóng vội trong thay đổi chính sách vĩ mô có thể gây cú sốc cho nền kinh tế.

Sự đổ bể của tập đoàn Minh

phụng – Epco đã gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng của các ngân hàng và nền kinh tế thời kỳ đó, bên cạnh đó là thiệt hại về uy tín trong quan hệ với nước ngoài, tín nhiệm của hệ thống ngân hàng với công chúng cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo theo hệ lụy về tư tưởng hoang mang, “co cụm sợ trách nhiệm” của cán bộ ngân hàng, tư tưởng dị ứng với DNNQD... Với thời gian khắc phục hậu quả về vật chất trong gần 10 năm của các NHTM, cho thấy việc xử lý ngay bằng biện pháp hình sự là điều chưa tốt, cần có biện pháp xử lý bằng kinh tế, cứu các chủ thể kinh tế trước khi tính toán qui trách nhiệm đến cùng đối với từng cá nhân. Sự thay đổi của chính sách về đất đai (Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai vào năm 1998), khống chế hạn mức giao đất, thủ tục chặt chẽ về chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã kéo theo những dự tính về thị trường bất động sản của tập đoàn Minh phụng- EPco bị sụp đổ, dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ vay ngân hàng. Nhìn nhận từ khi đổi mới hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 1988 chúng ta thấy: sau thời kỳ sụp đổ hàng loạt Quỹ tín dụng và ngân hàng cổ phần những năm 1989-1990, thì đây lại là lần thứ hai lặp lại sự bất ổn của hệ thống ngân hàng nước ta.

Tạo lập môi trường cho hoạt động quản trị rủi ro tín dụng có hiệu quả

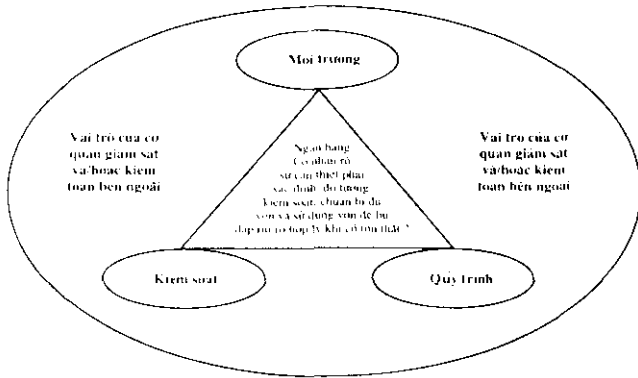
Với 2 nguyên nhân thuộc chủ quan có tính chất thâm căn cố đế của các NHTM đã được tổng kết, đó là **mức độ tập trung tín dụng quá cao và chính sách cho vay và quy trình có vấn đề**. Vì vậy,

Ủy ban Basel (2000) đã tổng kết kinh nghiệm của NHTM các nước phát triển đã trải qua những rủi ro và hoạt động quản trị RRTD của các ngân hàng này đã đưa ra 17 nguyên tắc cho hoạt động quản trị rủi ro tín dụng ngân hàng gồm: (i) xây dựng và thường xuyên đánh giá chiến lược quản lý rủi ro tín dụng; (ii) xây dựng chính sách và quản lý rủi ro ở tất cả các sản phẩm và hoạt động; (iii) xác định và quản lý rủi ro ở tất cả các sản phẩm tín dụng; (iv) xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn cấp tín dụng rõ ràng; (v) xây dựng các hạn mức chung và cho các cấp; (vi) thủ tục phê duyệt tín dụng rõ ràng; (vii) việc mở rộng tín dụng phải nằm trong tầm kiểm soát; (viii) phải có cơ chế quản lý thường xuyên danh mục rủi ro; (ix) có hệ thống quản lý các khoản tín dụng cụ thể; (x) xây dựng hệ thống xếp loại rủi ro nội bộ; (xi) có hệ thống thông tin thích hợp và hiệu quả; (xii) có hệ thống quản lý chất lượng danh mục dư nợ; (xiii) đánh giá được các xu hướng của nền kinh tế; (xiv) có hệ thống đánh giá chất lượng quản lý rủi ro tín dụng một cách độc lập; (xv) duy trì mức độ rủi ro ở mức phù hợp với tiêu chuẩn nội bộ; (xvi) có hệ thống cảnh báo sớm và thực hiện các biện pháp trong tình trạng có thể xảy ra rủi ro tín dụng; (xvii) phải có hệ thống kiểm soát hoạt động hiệu quả.

Mặc dù số lượng, trọng tâm sử dụng các chỉ tiêu có khác nhau, tùy thuộc vào mục đích, mức độ phát triển của ngân hàng được đánh giá; nhưng phương pháp đánh giá cơ bản dựa vào 4 trụ cột: 3 trụ cột liên quan đến các

yếu tố thuộc chủ quan của ngân hàng (xây dựng môi trường quản trị rủi ro tín dụng; thực hành quy trình cấp tín dụng lành mạnh, duy trì hoạt động theo dõi, đo lường rủi ro) và một trụ cột liên quan đến vai trò của cơ quan giám sát và/hoặc cơ quan kiểm toán bên ngoài. Đây là khuôn khổ mà các nhà phân tích thường dùng để đánh giá hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của NHTM. Tóm tắt khuôn khổ phân tích được mô tả như trong sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ - Khuôn khổ phân tích hoạt động quản trị RRTD



Nguồn: Tập huấn dự án hỗ kỹ thuật trợ tái cơ cấu NHTM nhà nước

- **Môi trường** được hiểu là quan điểm, văn hoá, chiến lược cũng như nguyên tắc ứng xử về rủi ro tín dụng mà một ngân hàng xây dựng và áp dụng trong toàn hệ thống của mình. Các yếu tố này tạo một môi trường để mọi bộ phận, cán bộ ngân hàng triển khai hoạt động quản trị rủi ro tín dụng một cách cụ thể. Một môi trường được coi là hợp lý khi đảm bảo được các yếu tố sau:

- + Xây dựng được chiến lược rõ ràng về rủi ro tín dụng và chiến lược này được đánh giá lại một cách thường xuyên, ít nhất là 1 năm 1 lần.
- + Xác định và phân định rõ trách nhiệm, trong đó Hội đồng quản trị nhận thức được rõ trách nhiệm cuối cùng và vai trò phê duyệt chiến lược, chính sách rủi ro tín dụng, Ban điều hành/quản lý chịu trách nhiệm triển khai.

- **Chính sách cho vay và quy trình** đề cập đến việc thiết lập các giới hạn, tiêu thức, điều kiện rõ ràng và việc tuân thủ chặt chẽ các giới hạn, tiêu thức đó trong cấp tín dụng. Một ngân hàng được coi là hoạt động trong quy trình lành mạnh khi xây dựng các yếu tố:

+ Thiết lập các tiêu chí cụ thể cho cấp tín dụng, từ việc cấp tín dụng lần đầu đến việc gia hạn nợ, mở rộng nhằm đảm bảo mọi khoản tín dụng đều được giám sát, quản lý chặt chẽ, đặc biệt là đối với khách hàng có quan hệ với ngân hàng.

+ Xây dựng các giới hạn rủi ro cho từng khách hàng, nhóm khách hàng liên quan, cả đối với các giao dịch nội bảng cũng như ngoại bảng; giới hạn theo cấp thẩm quyền.

- **Kiểm soát, theo dõi đo lường** đề cập đến các biện pháp giám sát, quản lý tín dụng. Cần đạt được các yếu tố:

+ Có hệ thống thông tin, dữ liệu cho phép theo dõi thường xuyên, chính xác và đầy đủ mức độ rủi ro tín dụng, cả nội bảng và ngoại bảng; cập nhật thông tin về xu hướng thị trường, phát triển kinh tế.

+ Xây dựng và áp dụng hệ thống xếp hạng rủi ro nội bộ.

+ Có hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát quá trình quản trị rủi ro tín dụng.

+ Có kế hoạch hành động trong các trường hợp khẩn cấp, nghiêm trọng về rủi ro tín dụng.

- **Vai trò của cơ quan giám sát/kiểm toán bên ngoài.** Ba trụ cột trên là rất quan trọng và là điều kiện tiên quyết, song chưa đủ để đảm bảo cho ngân hàng có được một cơ chế quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả. Cơ quan giám sát/kiểm toán bên ngoài đóng vai trò khách quan đánh giá và buộc các ngân hàng phải thiết lập được các trụ cột này. Để đảm bảo hiệu quả, cơ quan giám sát/kiểm toán bên ngoài cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

+ Đặt ra các yêu cầu buộc các ngân hàng phải xây dựng và áp dụng một hệ thống quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả; các cơ quan này cũng phải có bộ phận đánh giá định kỳ hoạt động của hệ thống này.

+ Thiết lập các giới hạn rủi ro đối với một khách hàng, nhóm khách hàng cho các ngân hàng; cũng như các báo cáo bắt buộc để theo dõi tình hình.

Tóm lại, việc triển khai hoạt động quản trị rủi ro tín dụng đối với các NHTM Việt Nam theo thông lệ quốc tế cần thúc đẩy nhanh hơn cả về chính sách ở tầm NHNN; cơ cấu bộ máy tổ chức, một cơ chế khung cho hoạt động quản trị rủi ro tín dụng ở các NHTM. ■